

Số: 95/KH-UBND

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 4 năm 2023

KẾ HOẠCH
Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022

Căn cứ Quyết định số 152/QĐ-TTCP ngày 14/4/2023 của Thanh tra Chính phủ ban hành "*Bộ chỉ số tiêu chí đánh giá và tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2022*", sau đây viết tắt là (Bộ Chỉ số); Kế hoạch số 344/KH-TTCP ngày 15/2/2023 của Thanh tra Chính phủ về đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2022,

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Kế hoạch đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá đúng thực trạng việc triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) của tỉnh trong năm 2022 theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành, đảm bảo việc đánh giá khách quan, toàn diện, trung thực, công khai, minh bạch.

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng ngừa; phát hiện và xử lý tham nhũng.

2. Yêu cầu

Việc đánh giá phải căn cứ vào Bộ chỉ số và tài liệu hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ; hồ sơ báo cáo đánh giá phải có số liệu, tài liệu minh chứng cụ thể; quá trình thực hiện có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho việc tổng hợp, đánh giá.

II. NỘI DUNG

1. Phạm vi

- Phạm vi đánh giá là công tác PCTN cấp tỉnh năm 2022 bao gồm: Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN; việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN; kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng; kết quả thu hồi tài sản tham nhũng của UBND cấp tỉnh, các sở, ban, quận, huyện thuộc tỉnh.

- Thời kỳ đánh giá: Từ 16/12/2021 đến 15/12/2022.

2. Nội dung tiêu chí đánh giá

Đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2022, gồm 4 nội dung như sau:

2.1. Tiêu chí đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN; việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN, bao gồm:

- Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN; việc xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN của UBND tỉnh.

- Đánh giá việc tổ chức thực hiện của các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện.

2.2. Tiêu chí đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, bao gồm:

- Đánh giá công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước.

- Đánh giá công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước.

2.3. Tiêu chí đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng bao gồm:

- Đánh giá việc phát hiện hành vi tham nhũng.

- Đánh giá việc xử lý tham nhũng.

- Đánh giá kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN.

2.4. Tiêu chí đánh giá việc thu hồi tài sản tham nhũng bao gồm:

- Đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh.

- Đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

3. Phương pháp tổ chức đánh giá

3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh thu thập tài liệu, tổng hợp số liệu làm bằng chứng, lập hồ sơ đánh giá; tự đánh giá, chấm điểm theo tiêu chí đánh giá của Bộ chỉ số trên cơ sở kết quả thực hiện công tác PCTN của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước; tổng hợp báo cáo kết quả đánh giá và gửi hồ sơ đánh giá về Thanh tra Chính phủ **trước ngày 10/6/2023**.

3.2. Các sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị; Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý và tài liệu, biểu mẫu hướng dẫn (gửi kèm theo Kế hoạch này):

- Thu thập tài liệu, tổng hợp số liệu làm bằng chứng đánh giá.
- Xây dựng báo cáo đánh giá công tác PCTN năm 2022 của sở, ban, ngành, tổ chức, địa phương theo Phụ lục 1. Đề cương hướng dẫn (kèm theo).
- Thuyết minh chi tiết kết quả đánh giá công tác PCTN năm 2022 theo Phụ lục 2. Tổng hợp danh mục tài liệu, số liệu minh chứng theo biểu số: 02, 03, 06, 07, 08, 09, 12, 13, 14 Phụ lục 2 (kèm theo).

Các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo đánh giá công tác PCTN năm 2022 và gửi tài liệu minh chứng về Thanh tra tỉnh để tổng hợp chung phục vụ đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thanh tra tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Tổ công tác đánh giá công tác PCTN tỉnh năm 2022.
- Chỉ đạo Tổ công tác tổ chức đánh giá, xây dựng báo cáo đánh giá công tác PCTN năm 2022 cấp tỉnh; đôn đốc, hướng dẫn, thẩm tra, rà soát báo cáo của các đơn vị, địa phương; nghiên cứu các hồ sơ, tài liệu, tiến hành đánh giá, chấm điểm công tác PCTN năm 2022; xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá công tác PCTN năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh.
- Làm cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với Tổ công tác đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh giải trình, cung cấp tài liệu để làm rõ theo yêu cầu của Tổ công tác Thanh tra Chính phủ trong quá trình rà soát, đánh giá việc tự đánh giá công tác PCTN năm 2022 của địa phương.

2. Tổ công tác đánh giá công tác PCTN tỉnh

- Thu thập tài liệu, tổng hợp số liệu làm bằng chứng, lập hồ sơ tự đánh giá công tác PCTN của tỉnh.
- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan thực hiện việc đánh giá công tác PCTN năm 2022 theo Bộ chỉ số và tài liệu hướng dẫn đánh giá của Thanh tra Chính Phủ; lựa chọn tiến hành kiểm tra đối với một số cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong tổ chức thực hiện; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình, rút kinh nghiệm đối với cơ quan, đơn vị thực hiện không nghiêm túc (nếu có).
- Tổng hợp đánh giá, đề xuất tự chấm điểm theo Bộ chỉ số và tài liệu hướng dẫn đánh giá của Thanh tra Chính phủ; xây dựng dự thảo báo cáo đánh giá công tác PCTN năm 2022 trình Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 03/6/2023**.

3. Các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện

3.1. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện giao đơn vị Thanh tra tham mưu thu thập tài liệu, tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo kết quả công tác PCTN năm 2022 của cơ quan, đơn vị, địa phương mình; đồng thời làm đầu mối phối hợp, liên lạc, trao đổi với Tổ Công tác của tỉnh.

3.2. Ngoài việc báo cáo kết quả công tác PCTN năm 2022, trong phạm vi quản lý của đơn vị mình, các cơ quan chuyên môn có chức năng tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm tổng hợp báo cáo các nội dung và cung cấp tài liệu minh chứng để lập hồ sơ đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh, cụ thể như sau:

a) Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN trên địa tỉnh.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo đánh giá khái quát về phạm vi, quy mô và những đặc điểm nổi bật về chính trị, kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm 2022; báo cáo đánh giá việc thực hiện công khai, minh bạch về đầu tư công trên địa bàn tỉnh.

c) Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản thu nhập; công tác thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua thanh tra, kiểm tra, giám sát và giải quyết phản ánh, tố cáo; việc thực hiện Chỉ thị số 10/TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ; tổng hợp tài liệu số, liệu minh chứng theo biểu số 01 và biểu số 16 Phụ lục 2 (kèm theo).

d) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công khai, minh bạch việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công; việc xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn trên địa bàn tỉnh.

đ) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022; việc thực hiện công khai minh bạch về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh; việc xây dựng và thực hiện kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức viên chức của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp đánh giá kết quả chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI năm 2022).

g) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp đánh giá, cung cấp tài liệu chứng kết quả thực hiện các nội dung sau:

- Kết quả tiếp công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Việc chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng ; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng.
- Việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch hoặc văn bản lồng ghép nội dung thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021-2025 vào các đề án, dự án, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện năm 2022 (gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).
- Tổng hợp số liệu, tài liệu minh chứng theo Biểu số 04, 05 Phụ lục 2 (gửi kèm theo Kế hoạch).

3.3. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và chế độ báo cáo

a) Người đứng đầu sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện khẩn trương, nghiêm túc các nhiệm vụ đã đề ra trong Kế hoạch này và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả báo cáo của cơ quan, đơn vị (trong trường hợp cơ quan, đơn vị gửi báo cáo chậm; báo cáo và số liệu, tài liệu minh chứng không đầy đủ theo yêu cầu; có nội dung tiêu chí không thực hiện hoặc việc tổ chức thực hiện hiệu quả thấp làm ảnh hưởng đến đánh giá, tự chấm điểm công tác PCTN của tỉnh).

b) Hình thức và thời hạn gửi báo cáo

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp), đồng thời gửi dữ liệu điện tử qua địa chỉ E-mail: phongchongthamnhungttq@gmail.com. Thời hạn gửi báo cáo **chậm nhất trong ngày 13/5/2023**.

4. Các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án

4.1. Công an tỉnh cung cấp thông tin, số liệu, đánh giá kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động điều tra của các cơ quan điều tra cấp huyện, cấp tỉnh.

4.2. Cục Thi hành án dân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan cung cấp thông tin, số liệu, đánh giá về việc xử lý thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp tư pháp.

4.3. Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh cung cấp thông tin, số liệu, đánh giá kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động truy tố, xét xử của Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh.

4.4. Thông tin, số liệu, đánh giá về kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án gửi về Thanh tra tỉnh tổng hợp chung toàn tỉnh **chậm nhất trong ngày 13/5/2023** (Có biểu số 10, 11, 15 Phụ lục số 02 kèm theo).

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp, cung cấp thông tin về kết quả thực hiện công tác giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật trên địa bàn tỉnh trong năm 2022 gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp chung toàn tỉnh **chậm nhất trong ngày 13/5/2023 (Có biểu số 09 Phụ lục số 02 kèm theo).**

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Công an tỉnh;
- VKSND tỉnh, TAND tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Chánh VP, PCVP UBND tỉnh;
- Ban TCD tỉnh (Đ/c Phước);
- Phòng THVX (Đ/c Vân);
- Lưu: VT, NC (P. Hà).

báo cáo

thực hiện

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn

Phụ lục 1

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2022
(Gửi kèm theo Kế hoạch số: 95 /KH-UBND ngày 28/4/2023 của UBND tỉnh)

UBND TỈNH TUYÊN QUANG

ĐƠN VỊ¹:.....

Số: /BC-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 2023

Báo cáo tự đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022

Thực hiện Kế hoạch số/KH-UBND ngày/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2022 và tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng (kèm theo); ² báo cáo tự đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng từ ngày 16/12/2021 đến ngày 15/12/2022 tại.... (địa phương, đơn vị), cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN

1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN; thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN:

1.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN.

Việc ban hành chương trình, kế hoạch, văn bản để triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, văn bản của trung ương, của tỉnh về PCTN.

1.2. Đánh giá việc tổ chức thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN

2. Đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

Các cơ quan, đơn vị tổng hợp, báo cáo đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng, ngừa tham nhũng theo quy định của Luật PCTN năm 2018, cụ thể như sau:

2.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch.

Các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả thực hiện công khai, minh bạch các nội dung theo quy định tại Điều 10 Luật PCTN 2018.

2.2. Kết quả cải cách hành chính năm 2022; chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và phát triển thanh toán không dùng tiền mặt.

2.3. Kết quả việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Luật PCTN năm 2018)

¹ Tên của cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo.

² Tên của cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo.

- Việc rà soát, xây dựng, ban hành và thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Việc ban hành kế hoạch kiểm tra, tự kiểm việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn trong cơ quan, đơn vị; việc tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện.

Trường hợp không ban hành kế hoạch kiểm tra, tổ chức thực hiện; yêu cầu trong báo cáo nêu rõ lý do, nguyên nhân và trách nhiệm.

2.4. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XDLI)

- Nêu rõ việc ban hành kế hoạch hoặc văn bản lồng ghép nội dung rà soát, kiểm soát xung đột lợi ích để chỉ đạo, triển khai thực hiện tại đơn vị, địa phương; việc tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện.

- Trường hợp không ban hành kế hoạch, văn bản để chỉ đạo, triển khai thực hiện; không tổ chức thực hiện rà soát, yêu cầu trong báo cáo nêu rõ lý do, nguyên nhân và trách nhiệm.

2.5. Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức

- Nêu rõ việc ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức năm 2022; kết quả thực hiện so với kế hoạch; báo cáo kết quả thực hiện.

- Trường hợp không ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện, yêu cầu trong báo cáo nêu rõ lý do, nguyên nhân và trách nhiệm.

2.6. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử

2.7. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)

2.8. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP Về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc (Chỉ thị 10).

** Lưu ý: Các đơn vị báo cáo rõ việc xây dựng kế hoạch tự kiểm tra nội bộ trong việc thực hiện pháp luật về PCTN (tiến hành ít nhất 01 cuộc kiểm tra/năm thực hiện theo Chương trình 03/CTr-UBND ngày 25/2/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TU ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn tỉnh)*

- Nêu rõ việc ban hành kế hoạch tự kiểm tra trong năm 2022; tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện.

- Trường hợp không ban hành kế hoạch kiểm tra và tổ chức thực hiện, yêu cầu trong báo cáo nêu rõ lý do, nguyên nhân và trách nhiệm.

3. Đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng:

3.1. Đánh giá việc phát hiện hành vi tham nhũng:

- Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát
- Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo
- Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử

3.2. Đánh giá việc xử lý tham nhũng:

- Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân
- Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng
- Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.

3.3. Đánh giá kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN:

- Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị
- Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn
- Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị
- Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích
- Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác
- Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng
- Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN

4. Đánh giá việc thu hồi tài sản tham nhũng:

4.1. Đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh:

- Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra
- Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh.

4.2. Đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án:

- Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử.
- Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án.

III. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ VỀ CÔNG TÁC PCTN CỦA ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ

Đánh giá chung tiến triển của công tác PCTN 2022 về kết quả, hiệu lực, hiệu quả của việc thực hiện các biện pháp PCTN so với năm 2021; những khó khăn, vướng mắc chủ yếu trong việc thực hiện công tác PCTN.

Đề xuất giải pháp để tiếp tục tăng cường thực hiện, nâng cao hiệu quả các giải pháp PCTN nhằm thực sự ngăn chặn, đẩy lùi được tệ nạn tham nhũng trong thời gian tới ở địa phương./.

TÊN ĐƠN VỊ: _____

Phụ lục 2

**TỔNG HỢP DANH MỤC TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG CỦA SỞ, NGÀNH, UBND CẤP HUYỆN
PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN CỦA TỈNH NĂM 2022**

Biểu 01

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)						
	A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN						
	A.1.1. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2022	A.1.2. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2022					
		<i>A.1.2.1 Triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của TW về PCTN: 1,0 điểm</i>	<i>A.1.2.2 Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL về PCTN : 0,5 điểm</i>	<i>A.1.2.3 Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN: 0,5 điểm</i>	<i>A.1.2.4 Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN: 0,5 điểm</i>	<i>A.1.2.5 Kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN: 0,5 điểm</i>	<i>A.1.2.6 Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN: 1,0 điểm</i>
1							
2							
...							

Đơn vị tổng hợp, báo cáo: Thanh tra tỉnh.

Biểu 02

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)			
	A.2 Đánh giá việc tổ chức thực hiện			
	A.2.1 Thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN		A.2.2 Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	
	<i>A.2.1.1 Ban hành kế hoạch</i>	<i>A.2.1.2 Báo cáo kết quả thực hiện</i>	<i>A.2.2.1 Ban hành kế hoạch</i>	<i>A.2.2.2 Báo cáo kết quả thực hiện</i>
1				
2				
...				

Đơn vị tổng hợp, báo cáo:

- Sở Tư pháp liệt kê tài liệu minh chứng kết quả thực hiện của UBND tỉnh.

- Các sở, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện liệt kê tài liệu minh chứng kết quả thực hiện của đơn vị, địa phương.

Biểu 03

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)			
	A.2 Đánh giá việc tổ chức thực hiện			
	A.2.3 Thực hiện công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN		A.2.4 Thực hiện việc kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	
	<i>A.2.3.1 Ban hành kế hoạch</i>	<i>A.2.4.2 Văn bản báo cáo</i>	<i>A.2.4.1 Ban hành kế hoạch</i>	<i>A.2.4.2 Văn bản báo cáo</i>
1				
2				
....				

Đơn vị tổng hợp, cung cấp số liệu, tài liệu minh chứng: Các sở, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện.

Biểu 04

Số tháng tiếp công dân của Chủ tịch UBND tỉnh	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)	
	A.2 Đánh giá việc tổ chức thực hiện	
	A.2.5 Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh và chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng	
	<i>A.2.5.1. Biên bản tiếp dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh</i>	<i>A.2.5.2 VB chỉ đạo xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng của Chủ tịch UBND tỉnh</i>
Tháng...		Văn bản...
Tháng...		Văn bản...
...		...

Đơn vị tổng hợp, cung cấp số liệu, tài liệu minh chứng: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)	
	B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	
	B.1 Công tác phòng ngừa TN trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	
	B.1.4. Kết quả thực Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021-2025	
	<i>B.1.4.1. Ban hành KH hoặc VB lồng ghép các nội dung thực hiện</i>	<i>B.1.4.2. Báo cáo kết quả thực hiện gửi NHNN Việt Nam</i>
1		
2		
...		

1. Lưu ý: Liệt kê văn bản do UBND tỉnh ban hành:

- Kế hoạch hoặc lồng ghép các nội dung về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt thanh toán không dùng tiền mặt vào các đề án, dự án, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế-xã hội của địa phương mình.
- Báo cáo kết quả thực hiện năm 2022.

2. Đơn vị tổng hợp, cung cấp số liệu, tài liệu minh chứng: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Biểu 06

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)		
	B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
	B.1 Công tác phòng ngừa TN trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước		
	B.1.1 Kết quả thực hiện CK, MB theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018	B.1.5. Kết quả việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CD, TC)	
		<i>B.1.5.1 Ban hành KH kiểm tra việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn (ĐM, CD, TC)</i>	<i>B.1.5.2 Kết quả thực hiện KH kiểm tra</i>
1			
2			
...			

1. *Ghi chú:* Các cơ quan, đơn vị cập nhật kết quả thực hiện công khai theo quy định tại Điều 10 Luật Phòng, chống tham nhũng:

“Điều 10. Nội dung công khai, minh bạch

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật về các nội dung sau đây:

a) Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và công dân;

b) Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác;

c) Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn;

d) Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này mà theo quy định của pháp luật phải công khai, minh bạch.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác ngoài nội dung công khai, minh bạch quy định tại khoản 1 Điều này còn phải công khai, minh bạch về thủ tục hành chính”.

2. *Đơn vị tổng hợp, cung cấp số liệu, tài liệu minh chứng:* Các sở, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện.

Biểu 07

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)							
	B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG B.1 Công tác phòng ngừa TN trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước							
	B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XDLI)				B.1.7. Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của CBCCVC		B.1.8. Kết quả thực hiện QTUX	
	B.1.6.1. Ban hành KH rà soát XDLI	B.1.6.2. Thực hiện rà soát (Đánh dấu X vào ô lựa chọn)		B.1.6.3 Kết quả giải quyết XDLI	B.1.7.1. Ban hành kế hoạch	B.1.7.2. Kết quả thực hiện		Báo cáo việc thực hiện QTUX
		Đã thực hiện rà soát	Không thực hiện rà soát			Số người đã chuyển đổi / số người phải chuyển đổi theo KH	BC kết quả thực hiện	
1	Liệt kê các văn bản: Kế hoạch rà soát XDLI hoặc lồng ghép nội dung rà soát, kiểm soát XDLI vào các kế hoạch, văn bản chỉ đạo về PCTN				Liệt kê KH		Liệt kê báo cáo	Liệt kê báo cáo
2								
3								
...								

1. Lưu ý: Các cơ quan, đơn vị cập nhật kết quả thực hiện rà soát, kiểm soát các trường hợp XDLI theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng vào mục B.1.6.2 và mục B.1.6.3, liệt kê chi tiết các vụ việc XDLI đã được giải quyết trong năm 2022 (nếu có).

2. Đơn vị tổng hợp, cung cấp số liệu, tài liệu minh chứng: Các sở, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện.

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)					
	B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG B.1 Công tác phòng ngừa TN trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước					
	B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)					
	B.1.9.1 Kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN	B.1.9.2 Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN (Đánh dấu X vào ô thực hiện)		B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg ngày 22/4/2019 của TTg CP về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc		
		Hoàn thành kê khai, công khai bản kê khai TSTN đúng quy định	Tổ chức kê khai, công khai bản kê khai TSTN chưa đúng quy định	B.1.10.2 Tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh về tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc	B.1.10.3 Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị số 10	
				Vụ việc KNPA đã tiếp nhận	Vụ việc KNPA đã được xử lý	
1	(Liệt kê văn bản, ngày tháng năm ban hành)			(Liệt kê các vụ việc người dân, doanh nghiệp KNPA tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc)	(Liệt kê các vụ việc đã được xử lý)	- Liệt kê tổng số các cá nhân vi phạm Chỉ thị 10. - Liệt kê các cá nhân đã bị xử lý vi phạm Chỉ thị 10.
...						

- Đơn vị tổng hợp, cung cấp số liệu, tài liệu minh chứng: Các sở, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện.

Biểu 09

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)						
	C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG						
	C.1 Việc phát hiện hành vi tham nhũng						
	<i>C.1.1 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát.</i>			<i>C.1.2 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo</i>			
	Số cuộc thực hiện		Số cuộc phát hiện hành vi tham nhũng	Tổng số tin phản ánh đã tiếp nhận	Tổng số tố cáo đã tiếp nhận	Số vụ việc giải quyết tin phản ánh phát hiện hành vi tham nhũng	Số vụ việc giải quyết đơn tố cáo phát hiện hành vi tham nhũng
	Hình thức thực hiện	Số cuộc					
1	Thanh tra						
2	Kiểm tra						
3	Giám sát						
....							

1. Yêu cầu:

- Liệt kê cụ thể cuộc kiểm tra, thanh tra, giám sát phát hiện hành vi tham nhũng:
- Liệt kê Báo cáo kết quả giám sát năm 2022:
- Liệt kê Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra năm 2022:
- Liệt kê cụ thể các vụ việc giải quyết tin phản ánh phát hiện hành vi tham:....
- Liệt kê cụ thể các cuộc giải quyết tố cáo phát hiện hành vi tham nhũng:....
- Liệt kê Báo cáo kết quả công tác xử lý tin phản ánh, giải quyết đơn tố cáo năm 2022:.....

2. Đơn vị tổng hợp, cung cấp số liệu, tài liệu minh chứng:

- Mặt trận tổ quốc tỉnh;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện.

Biểu 10

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)					
	C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG C.1 Việc phát hiện hành vi tham nhũng					
	<i>C.1.3 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử</i>					
	Phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra		Phát hiện hành vi tham nhũng qua truy tố		Phát hiện hành vi tham nhũng qua xét xử	
	Tổng số vụ việc tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị điều tra tham nhũng	Số vụ án tham nhũng được khởi tố điều tra	Tổng số vụ án đề nghị truy tố tội tham nhũng	Số vụ án quyết định truy tố tội tham nhũng	Tổng số vụ án tiếp nhận liên quan tham nhũng	Số vụ án tham nhũng đưa ra xét xử
						

1. Ghi chú: Cung cấp danh sách chi tiết các vụ việc, vụ án tham nhũng đã phát hiện.

2. Đơn vị tổng hợp, cung cấp số liệu, tài liệu minh chứng: Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh.

Biểu 11

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)		
	C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG C.2 Việc xử lý tham nhũng		
	C.2.2 Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng		
	<i>C.2.2.1 Kết quả xử lý qua điều tra</i>	<i>C.2.2.2 Kết quả xử lý qua truy tố</i>	<i>C.2.2.3 Kết quả xử lý qua xét xử</i>
1	- Số người cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng:.....	- Số người do Viện kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng:.....	- Số người do Tòa án kết án tội phạm tham nhũng:.....
2	- Tổng số người bị cơ quan điều tra khởi tố trong các vụ án liên quan tham nhũng:.....	- Tổng số người có hành vi tham nhũng bị cơ quan điều tra đề nghị truy tố về hành vi tham nhũng:.....	- Tổng số người do Viện kiểm sát truy tố về hành vi tham nhũng:

* Đơn vị tổng hợp, cung cấp số liệu, tài liệu minh chứng: Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh.

Biểu 12

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)				
	C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG				
	C.2 Việc xử lý tham nhũng				
	C.2.1 Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do đề xảy ra tham nhũng		C.2.3 Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu CQ, TC, ĐV căn cứ vào mức độ của vụ việc TN		
	<i>C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật về đảng, xử phạt hành chính đối với tổ chức do đề xảy ra tham nhũng</i>	<i>C.2.1.2 Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi TN</i>	<i>C.2.3.1 Hình thức khiển trách</i>	<i>C.2.3.2 Hình thức cảnh cáo</i>	<i>C.2.3.3 Hình thức cách chức</i>
1	Liệt kê tổ chức đề xảy ra tham nhũng:	Liệt kê người có hành vi tham nhũng đã phát hiện.	Liệt kê cơ quan, tổ chức, đơn vị đề xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng:...	Liệt kê cơ quan, tổ chức, đơn vị đề xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng:...	Liệt kê danh sách quan, tổ chức, đơn vị đề xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng:...
2	Liệt kê tổ chức đã xử lý kỷ luật về đảng, xử phạt hành chính do đề xảy ra tham nhũng:....	Liệt kê người có hành vi tham nhũng bị xử lý kỷ luật hành chính.	Liệt kê người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đề xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị xử lý khiển trách:...	Liệt kê người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đề xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị xử lý cảnh cáo:...	Liệt kê người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đề xảy ra vụ việc tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xử lý cách chức:....
....					

* Đơn vị tổng hợp, cung cấp số liệu, tài liệu minh chứng: Các sở, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện.

Biểu 13

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)						
	C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG						
	C.3 Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN						
	C3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của CQTCĐV	C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong CQTCĐV	C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích	C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyên đổi vị trí công tác	C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi TN	C.3.7 Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi khác trong kiểm soát TSTN
1	Số người vi phạm:...	Số người vi phạm:...	Số người vi phạm:...	Số người vi phạm:...	Số người vi phạm:...	Số người vi phạm:...	Số người vi phạm:...
2	Số người đã xử lý vi phạm:.....	Số người đã xử lý vi phạm:.....	Số người đã xử lý vi phạm:.....	Số người đã xử lý vi phạm:.....	Số người đã xử lý vi phạm:.....	Số người đã xử lý vi phạm:.....	Số người đã xử lý vi phạm:.....
3	Liệt kê danh sách người vi phạm	Liệt kê danh sách người vi phạm	Liệt kê danh sách người vi phạm	Liệt kê danh sách người vi phạm	Liệt kê danh sách người vi phạm	Liệt kê danh sách người vi phạm	Liệt kê danh sách người vi phạm
4	Liệt kê danh sách các cá nhân đã bị xử lý vi phạm	Liệt kê danh sách các cá nhân đã bị xử lý vi phạm	Liệt kê danh sách các cá nhân đã bị xử lý vi phạm	Liệt kê danh sách các cá nhân đã bị xử lý vi phạm	Liệt kê danh sách các cá nhân đã bị xử lý vi phạm	Liệt kê danh sách các cá nhân đã bị xử lý vi phạm	Liệt kê danh sách các cá nhân đã bị xử lý vi phạm
...							

1. Ghi chú: Yêu cầu liệt kê cụ thể các trường hợp bị xử lý (họ tên, chức vụ, đơn vị công tác).

2. Đơn vị tổng hợp, cung cấp số liệu, tài liệu minh chứng: Các sở, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện.

Biểu 14

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)	
	D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TIỀN, TÀI SẢN THAM NHỮNG	
	D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	
	<i>D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra</i>	<i>D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh</i>
1	Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra:	Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh:.....
2	Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra: ...	Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh:.....
3	Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra theo từng vụ việc:.....	Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh theo từng vụ việc:.....
...		

* Đơn vị tổng hợp, cung cấp số liệu, tài liệu minh chứng: Các sở, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện.

Biểu 15

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)	
	D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHƯNG D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	
	<i>D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử</i>	<i>D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án</i>
1	Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi theo bản án
2	Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	Số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác thi hành án
3	Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác điều tra, truy tố, xét xử theo từng vụ việc:.....	Liệt kê số tiền, tài sản đã thu hồi qua công tác theo từng vụ việc:.....
...		

* Đơn vị tổng hợp, cung cấp số liệu, tài liệu minh chứng: Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Toà án nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án Dân sự tỉnh.

Biểu 16

Tt	Tài liệu, số liệu minh chứng (Từng văn bản ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu nội dung...)	
	B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG B.2 Công tác phòng ngừa TN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	
	B.2.1 UBND tỉnh ban hành VB hướng dẫn, đôn đốc thực hiện công tác phòng ngừa TN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN	B.2.2 Kết quả thanh tra việc thực hiện pháp luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN
1		
2		
3		
...		

* Đơn vị tổng hợp, cung cấp số liệu, tài liệu minh chứng: Thanh tra tỉnh.